

VIỆT BẮC

(Trích)

(2 tiết)

TỐ HỮU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được tình cảm tha thiết, lòng biết ơn sâu nặng của người cán bộ cách mạng đối với Việt Bắc và sự gắn bó của Việt Bắc với cách mạng qua dòng hồi tưởng về cảnh và người ở chiến khu Việt Bắc thời kháng chiến, từ đó tăng thêm hiểu biết và tình cảm với Việt Bắc, với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Thấy được nghệ thuật giàu tính dân tộc của bài thơ, thể hiện trong kết cấu, hình ảnh, giọng điệu, thể thơ và ngôn ngữ.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

– *Việt Bắc* là một trong những đỉnh cao của thơ Tố Hữu, cũng là một trong những thi phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là một bài thơ dài, được viết ngay sau khi cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, có ý nghĩa đúc kết một giai đoạn lịch sử hết sức gian lao và hào hùng của cách mạng và dân tộc. Bài thơ có những đoạn mang tính điển ca lịch sử, nhưng chủ yếu đây là một bản tổng kết lịch sử bằng tâm tình, qua những kỉ niệm và nỗi nhớ, cả những dự cảm, mong ước về tương lai. Do bài thơ khá dài và nửa sau của bài (phần nói về hẹn ước ngày mai) không có nhiều đặc sắc, nên SGK chỉ trích nửa đầu.

– Về kết cấu của bài thơ

Bài thơ sáng tạo một hoàn cảnh đặc biệt để bộc lộ tình cảm, cảm xúc dạt dào, đó là cuộc chia tay đầy lưu luyến, có kẻ ở người đi, bâng khuâng bịn rịn : "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay". Đây là cuộc chia tay của những người đã từng sống gắn bó dài lâu (*mười lăm năm ấy*), đầy tình nghĩa sâu nặng, mặn nồng, từng chia sẻ mọi đắng cay, ngọt bùi, nay trong giờ phút chia tay, cùng nhau gợi lại bao kỉ niệm đẹp đẽ, cùng cất lên nỗi niềm hoài niệm tha thiết về

những ngày qua, khẳng định nghĩa tình bền chặt và hẹn ước về tương lai. Cách cấu tứ này trong ca dao, dân ca dùng để diễn tả những tâm trạng của tình yêu, tình nghĩa riêng tư đã được Tố Hữu vận dụng sáng tạo vào việc thể hiện những nghĩa tình cách mạng rộng lớn. Cùng với cấu tứ ấy, một phần quan trọng trong ngôn ngữ của bài thơ cũng thuộc về hệ thống từ ngữ diễn tả những tâm trạng của tình yêu (*mình, ta, nhớ, "Mình về mình có nhớ ta", thiết tha, mặn nồng, băng khuâng, bốn chôn, "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay",...*). Bằng cách đó, bài thơ dẫn người đọc vào không khí ân tình, nghĩa tình của hồi tưởng và hoài niệm, của ước vọng và tin tưởng. Chuyện nghĩa tình cách mạng, kháng chiến đã đến với lòng người bằng con đường của tình yêu. Đây cũng chính là một nét rất đặc trưng cho bản sắc riêng của thơ Tố Hữu.

Bài thơ kết cấu theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao, dân ca. Nhưng ở đây không chỉ là lời hỏi, lời đáp mà còn là sự hô ứng, đồng vọng. Lời đáp không chỉ nhằm giải đáp cho những điều đặt ra của lời hỏi mà còn là sự tán đồng, mở rộng, cụ thể và phong phú thêm những ý tình trong lời hỏi, có khi trở thành lời đồng vọng ngân vang những tình cảm chung. Thực ra, nhìn sâu hơn thì thấy *qua lớp đối thoại của kết cấu bên ngoài, chính là lời độc thoại của tâm trạng* đắm mình trong hoài niệm ngọt ngào hạnh phúc về quá khứ đẹp đẽ với nghĩa tình thấm thiết – tình nghĩa nhân dân, nghĩa tình kháng chiến và cách mạng, khát vọng về tương lai tươi sáng. Kẻ ở – người đi, lời hỏi – lời đáp ở đây có thể xem là một cách "phân thân" để tâm trạng được bộc lộ đầy đủ hơn trong sự hô ứng, đồng vọng, vang ngân.

– Bằng một âm điệu ngọt ngào, êm ái trở đi trở lại nhịp nhàng như lời ru, bài thơ đưa người đọc vào thế giới tâm tình đầm ấm, đầy ân nghĩa. Trong không khí ấy, mọi cảnh vật thiên nhiên và khung cảnh sinh hoạt của con người, cho đến các hoạt động kháng chiến đều đậm đà ý vị tình nghĩa, bao bọc trong ánh hồi quang của kỉ niệm và nỗi nhớ thiết tha, tất cả tạo nên một không gian – thời gian tâm tưởng cho bài thơ.

2. Về phương pháp

Bài thơ *Việt Bắc* vốn rất quen thuộc với những thế hệ người Việt Nam từng sống trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhưng lại không phải dễ dàng gần gũi với thế hệ trẻ hiện nay. Vì vậy, một điều kiện cho sự tiếp nhận bài thơ thành công là phải tạo được môi trường truyền dẫn cho nội dung tư tưởng cảm xúc và thế giới hình ảnh của bài thơ đến được với tâm trí

của HS. Phần nhiều các câu chữ, chi tiết, hình ảnh trong bài thơ đều có sức gợi, chứa đựng chiều sâu của những kỉ niệm gắn bó, những trải nghiệm ngọt bùi, gian khổ của chính tác giả với Việt Bắc. Để cảm nhận được sức nặng nội dung tình cảm ấy, cần có vốn sống thực tế, một sự trải nghiệm nhất định về các quan hệ nghĩa tình của con người. Điều đó còn hạn chế ở HS ngày hôm nay. Nhưng GV có thể gợi cho HS huy động vốn sống gián tiếp qua các tác phẩm văn chương về hai cuộc kháng chiến, những tri thức về lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp để tạo cơ sở nhận thức và một tâm thế thuận lợi cho việc thâm nhập bài thơ.

Thể thơ lục bát với âm điệu ngọt ngào như lời ru của bài thơ dễ cuốn người đọc trôi theo dòng cảm xúc tràn đầy, miên man, tưởng như không có mạch lạc của bài thơ. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài thơ, GV cần lưu ý định hướng để HS vừa nhập cảm theo dòng hồi tưởng, cảm xúc của tác giả, vừa phải tách ra để quan sát, nhận xét, tìm ra mạch tâm trạng của nhân vật trữ tình cũng như các thủ pháp biểu hiện trong bài thơ. Để nhận ra và đánh giá được tính dân tộc đậm đà của bài thơ *Việt Bắc*, HS cần huy động vốn hiểu biết về ca dao, dân ca, thành ngữ, tục ngữ, cùng với những kiến thức về truyền thống thơ ca dân tộc, đặc biệt là thể thơ lục bát.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

GV giới thiệu về xuất xứ, vị trí của bài thơ trong sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu và trong thơ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Về tác giả, HS sẽ được học ở bài *Tố Hữu* trong SGK, GV có thể giới thiệu vài nét chính về hoạt động của tác giả trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Phần nội dung chính

Đoạn trích bài thơ trong SGK khá dài (90 dòng thơ) nên không cần tổ chức cho HS đọc toàn bộ, mà chỉ nên đọc từng đoạn nhỏ khi tìm hiểu để trả lời các Câu hỏi 2, 3, 4. GV hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn trích theo các câu hỏi trong SGK.

Câu hỏi 1

Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác bài thơ : HS dựa vào phần *Tiểu dẫn* để phát biểu, GV bổ sung, làm rõ thêm ý nghĩa của việc nắm được hoàn cảnh sáng tác để có định hướng đúng trong việc tiếp nhận, phân tích bài thơ.

Câu hỏi 2

– Đọc phần đầu đoạn trích trong SGK. Có thể phân vai cho hai HS đọc lần lượt lời hỏi và lời đáp để tạo không khí trữ tình cho HS dễ cảm nhận kết cấu và giọng điệu của bài thơ.

– Tổ chức cho HS phát hiện và tìm hiểu kết cấu bài thơ. GV nêu các câu hỏi gợi ý để HS phát hiện, rồi dựa vào điểm 2 trong mục II ở trên, GV nêu nhận xét và bình giá về nét đặc sắc trong kết cấu theo lối đối đáp của bài thơ. Cho HS tìm nêu một số ví dụ về lối kết cấu đối đáp trong ca dao, dân ca, so sánh với kết cấu bài *Việt Bắc*, để thấy sự vận dụng sáng tạo của tác giả. Cần lưu ý cho HS nhận ra rằng, đối đáp chỉ là cách kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu chính là sự thống nhất của tình cảm, cảm xúc trong một tiếng nói chung. Hai nhân vật "mình", "ta" thực chất chỉ là sự phân thân của một *cái tôi* trữ tình thống nhất. Lời đáp không chỉ nhằm giải đáp cho những điều đặt ra của lời hỏi mà còn là sự tán đồng, mở rộng, làm cụ thể và phong phú thêm những ý tình trong lời hỏi, có khi trở thành lời đồng vọng, không phân biệt người hỏi, người đáp, cùng ngân vang những tình cảm chung.

– GV cho HS nêu cảm nhận của mình về giọng điệu chung của đoạn thơ, rồi tìm hiểu những yếu tố chính nào đã tạo nên ấn tượng về giọng điệu ấy (chú ý đến nhịp điệu của các câu thơ, các từ ngữ diễn tả những trạng thái tình cảm trở đi trở lại, những từ được lặp lại nhiều lần : *nhớ, mình, ta*).

Bằng một âm điệu ngọt ngào, êm ái trở đi trở lại nhịp nhàng như lời ru trong thể thơ lục bát, với sự trùng điệp của nhiều từ *nhớ, mình, ta* và nhiều từ ngữ diễn tả các trạng thái tình cảm, cảm xúc đầy lưu luyến lúc phân li, đoạn thơ đưa người đọc vào thế giới tâm tình đầy ân nghĩa. Trong không khí ấy, mọi cảnh vật thiên nhiên và khung cảnh sinh hoạt của con người, cho đến các hoạt động kháng chiến đều đậm đà ý vị tình nghĩa, bao bọc trong ánh hồi quang của hoài niệm với nỗi nhớ thiết tha, tất cả tạo nên một không gian – thời gian tâm tưởng và giọng điệu trữ tình tha thiết, đậm thấm, ân tình của đoạn thơ.

– GV yêu cầu HS dựa vào những hiểu biết chung về kết cấu, giọng điệu bài thơ, đọc lại hai lời đối đáp ở phần mở đầu bài thơ và phân tích nội dung cảm xúc cùng cách biểu hiện trữ tình trong đoạn này.

– Bài thơ mở ra bằng một cảnh chia tay với tâm trạng băng khuâng, bồn chồn, bịn rịn, lưu luyến của hai người đã từng gắn bó sâu nặng, bền lâu. Người ở lại lên tiếng trước, như nhạy cảm với hoàn cảnh đổi thay, gợi nhắc những kỉ niệm gắn bó, những cội nguồn nghĩa tình :

Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

Nhưng người ra đi cũng một tâm trạng ấy, nên nỗi nhớ không chỉ hướng về người khác mà cũng là nỗi nhớ chính mình : "Mình đi, mình lại nhớ mình". Lời hỏi của người ở lại đã khơi dậy cả một quá vãng đầy kỉ niệm, khơi nguồn cho dòng mạch nhớ thương tuôn chảy. Như ở trên đã nói, đối đáp ở đây chỉ là một thủ pháp khơi gợi bộc lộ tâm trạng và tạo ra sự hô ứng, đồng vọng của tình cảm.

Câu hỏi 3

Một thủ pháp nghệ thuật độc đáo góp vào sự *phân đôi – thống nhất* ấy của tâm trạng chủ đạo trong bài thơ là việc sử dụng sáng tạo hai đại từ *mình* và *ta*, nhất là từ "mình". GV cho HS tìm một số câu ca dao có đại từ "mình", "ta".

– Trong tiếng Việt, từ "mình" là chỉ bản thân (ngôi thứ nhất), nhưng cũng còn để chỉ đối tượng giao tiếp thân thiết, gần gũi – chỉ người bạn đời yêu mến (ngôi thứ hai), thường là chỉ dùng trong các quan hệ tình yêu, vợ chồng. Trong bài *Việt Bắc*, "mình" chủ yếu được dùng ở nghĩa thứ hai này : điều đó phù hợp và tạo nên quan hệ gắn bó của hai nhân vật đối đáp. Nhưng có chỗ lại là chỉ ngôi thứ nhất : "Ai lên *mình* gửi cho anh với nàng", và có những lúc biến hoá, chuyển hoá đa nghĩa, vừa là chủ thể, vừa là đối tượng, hoà nhập làm một như trong các câu : "*Mình* đi, *mình* có nhớ *mình*" và "*Mình* đi, *mình* lại nhớ *mình*".

– Chúng ta cũng có thể thấy sự chuyển nghĩa ở đại từ "ta". Trong bài thơ, "ta" là ngôi thứ nhất, người phát ngôn, nhưng "ta" trong nhiều trường hợp là chỉ chung hai người, chỉ "chúng ta" ("*Mình* về *mình* lại nhớ *ta*", "Rừng cây núi đá *ta* cùng đánh Tây", "Lòng *ta* ơn Bác đời đời").

Câu hỏi 4

– Bao trùm trong tâm trạng của cả kẻ ở người đi là nỗi nhớ da diết, mệnh mang với nhiều sắc thái khác nhau (trong đoạn trích đã có tới 35 từ "nhớ"). Niềm hoài niệm thiết tha đã làm sống dậy những kỉ niệm sâu nặng nghĩa tình với thiên nhiên, con người Việt Bắc, với cuộc sống kháng chiến gian khổ mà hào hùng. Cuộc sống và cảnh vật được lắng vào kỉ niệm, qua hoài niệm đã hiện ra lúc thì rõ nét như một bức hoạ với cả màu sắc, chi tiết, đường nét ("Nhớ người mẹ nắng

cháy lưng", "Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi", "Nhớ cô em gái hái măng một mình"), lúc lại mơ màng, vời vợi ("Nhớ gì như nhớ người yêu - Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương", "Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù", "Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều - Chày đêm nện cối đều đều suối xa",...), lúc lại cô đọng đúc kết những trải nghiệm, như một biểu tượng ("Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai", "Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng",...).

GV gợi ý cho HS phát hiện những phương diện nào trong bức tranh về Việt Bắc được gợi lên ở nỗi nhớ của chủ thể trữ tình. Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất, hoà nhập, không tách rời : nỗi nhớ thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, nỗi nhớ con người, cuộc sống ở Việt Bắc và những kỉ niệm về cuộc kháng chiến anh hùng.

– Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên với những vẻ đẹp đa dạng trong thời gian và không gian khác nhau, trong các thời tiết sương sớm, nắng chiều, trăng khuya, trong các mùa thay đổi. Đáng chú ý là hình ảnh thiên nhiên luôn gắn với bóng dáng con người, làm cho cảnh bớt vẻ hoang sơ, hiu hắt và trở nên gần gũi, thân thiết với con người (đoạn từ "Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi" đến "ân tình thủy chung", cứ một câu về "hoa" lại một câu về "người" đan cài, đối xứng, hoà hợp). Cuộc sống, sinh hoạt của con người, qua hoài niệm, hiện ra trong những nét thanh bình, êm ả ("Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều - Chày đêm nện cối đều đều suối xa"), nhưng cũng cả trong những nghèo khó, cơ cực ("Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng - Nhớ người mẹ nắng cháy lưng - Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô",...). Đẹp nhất là ở *nghĩa tình* của con người, ở sự san sẻ, cùng chung mọi gian khổ và niềm vui, cùng gánh vác nhiệm vụ. Nghĩa tình càng đẹp hơn trong cuộc sống gian nan, thiếu thốn, càng sắt son, thấm thía trong khó khăn, thử thách. Trong đoạn thơ này, những câu gợi lên cảnh sinh hoạt và cuộc sống bình dị của đồng bào miền núi là những câu thơ hay, chứa đựng rung động, tình cảm chân thật, thấm thiết của nhà thơ với cuộc sống và con người nơi chiến khu Việt Bắc.

Câu hỏi 5

– Theo mạch cảm xúc hoài niệm, bài thơ dẫn vào khung cảnh Việt Bắc kháng chiến với những cảnh rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động của cuộc kháng chiến, được vẽ với bút pháp của những tráng ca (từ câu 53 đến câu 88). Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả khái quát bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ :

*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.*

Cả núi rừng cùng với con người tạo thành sức mạnh vô cùng to lớn, bền vững ngăn chặn và vây hãm quân thù. Những câu thơ trên gợi lại sự kiện chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947 của quân và dân ta đập tan cuộc tấn công lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. Tiếp đó, bài thơ nhắc đến những địa danh từng diễn ra các trận đánh, các chiến dịch và những chiến thắng lớn của ta ở Việt Bắc : Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Cao – Lạng, v.v.

– Khung cảnh sôi động của cuộc kháng chiến còn được tác giả tập trung đặc tả bằng cảnh những con đường Việt Bắc ban đêm :

*Những đường Việt Bắc của ta
... Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.*

Cảnh tượng thật hùng vĩ và tráng lệ. Sức mạnh và khí thế của cuộc kháng chiến hiện ra trong đội ngũ trùng điệp của những đoàn bộ đội, dân công (chú ý những so sánh để nói về sức mạnh : *rầm rập như là đất rung, bước chân nát đá*, những từ ngữ chỉ số lượng đông đảo : *điệp điệp, trùng trùng, từng đoàn, muôn*). Những con đường Việt Bắc về đêm không chỉ tấp nập mà còn rực rỡ ánh sáng : ánh sáng của đuốc lửa dân công, ánh sao đầu súng, và còn cả ánh đèn pha rực rỡ của những đoàn xe ra trận.

Đoạn thơ tiếp theo phác họa hình ảnh giản dị mà trang trọng của một cuộc họp Chính phủ trong hang núi mà vẫn rực rỡ dưới ánh cờ đỏ sao vàng trong nắng trưa và kết thúc bằng sự thu tóm lại hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, nơi đặt niềm tin tưởng và hi vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn "u ám quân thù" ("Ở đâu u ám quân thù [...] Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hòa").

– Đối chiếu với đoạn thơ trước (từ câu 25 đến câu 52) có thể thấy sự biến đổi khá rõ trong nhiều yếu tố nghệ thuật của đoạn thơ này, phù hợp với sự biến đổi về nội dung.

+ Điệu thơ đang từ êm ả, tha thiết trong dòng hoài niệm về nghĩa tình với Việt Bắc đã chuyển sang nhịp điệu sôi nổi, rộn rập, mạnh mẽ khi miêu tả khung cảnh chiến đấu và những hoạt động khẩn trương, sôi động của cuộc

kháng chiến ; rồi lại trang trọng, đĩnh đạc ở đoạn cuối, khi tả một cuộc họp Trung ương, Chính phủ và khái quát về vị trí, ý nghĩa của Việt Bắc với cuộc kháng chiến của toàn dân tộc.

+ Về bút pháp xây dựng hình ảnh : đoạn thơ này thiên về tạo những hình ảnh rộng lớn, hùng tráng, kì vĩ, đậm chất sử thi (cùng với những câu thơ có chất diễn ca lịch sử thiên về kể việc, ghi lại sự kiện).

Câu hỏi 6

Tính dân tộc của bài thơ *Việt Bắc* (đoạn trích) được thể hiện ở nhiều phương diện :

- Về nội dung

+ Những bức tranh chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc về thiên nhiên và con người Việt Bắc được tái hiện trong tình cảm thiết tha, gắn bó sâu sắc của tác giả (đã phân tích ở trên).

+ Tình nghĩa của người cán bộ và đồng bào Việt Bắc với cách mạng và kháng chiến, với Bác Hồ là những tình cảm cách mạng sâu đậm của thời đại mới. Những tình cảm ấy hoà nhập và tiếp nối vào nguồn mạch tình cảm yêu nước, đạo lí ân tình thủy chung vốn là truyền thống sâu bền của dân tộc ta.

- Về nghệ thuật

+ Thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo ra âm hưởng thống nhất mà lại biến hoá đa dạng, không nhàm. Câu thơ lúc thì dung dị, dân dã gắn với ca dao, lúc thì cân xứng, nhịp nhàng, trau chuốt mà trong sáng, nhuần nhị đến độ cổ điển.

+ Lối kết cấu đối đáp trong ca dao, dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình, phù hợp với nội dung tư tưởng, tình cảm của bài thơ.

+ Chất liệu văn học và văn hoá dân gian được vận dụng phong phú, đa dạng, đặc biệt là ca dao trữ tình.

+ Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ) được sử dụng thích hợp, tạo nên phong vị dân gian và chất cổ điển của bài thơ.

(GV yêu cầu HS tìm những ví dụ về từng yếu tố nghệ thuật đậm tính dân tộc đã nêu trên rồi bổ sung, nhấn mạnh ý nghĩa và tác dụng của nghệ thuật giàu tính dân tộc ấy).

3. Phân củng cố

Việt Bắc là bài thơ tiêu biểu nhiều mặt cho hồn thơ Tố Hữu, cho phong cách thơ Tố Hữu. Là nhà thơ cách mạng, làm thơ trữ tình chính trị, Tố Hữu đặc biệt rung động với nghĩa tình cách mạng ; nói về lí tưởng, về Đảng và đất nước với một tình cảm say mê, nồng nhiệt, với những rung động của trái tim như trong tình yêu đôi lứa. *Việt Bắc* là khúc hát ân tình, thủy chung của những người cách mạng, những người Việt Nam kháng chiến, của cả dân tộc qua tiếng lòng của nhà thơ, cái chung hoà trong cái riêng, cái riêng tiêu biểu cho cái chung. Tình cảm, kỉ niệm đã thành ân tình, tình nghĩa với đất nước, với nhân dân và cách mạng. *Việt Bắc* cũng rất tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết của Tố Hữu và nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc của thơ ông.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

1. Yêu cầu

Chỉ ra được sự tiếp thu và vận dụng nhuần nhuyễn ca dao, dân ca của Tố Hữu trong *Việt Bắc* (đoạn trích ở SGK), nhờ đó những tư tưởng, tình cảm của thời đại mới đã hoà nhập vào mạch tâm hồn, tình cảm và truyền thống thẩm mỹ của dân tộc, nhân dân.

2. Nội dung

Để đáp ứng yêu cầu trên, HS cần làm rõ phong vị ca dao, dân ca của bài thơ trên các cấp độ và phương diện sau :

– Kết cấu đối đáp trong khung cảnh chia tay đầy lưu luyến – đây là một mô típ quen thuộc trong ca dao, dân ca.

– Những từ "mình", "ta" và cấu trúc lời hỏi, lời đáp đối ứng, gợi nhớ đến nhiều câu ca dao về tình cảm lứa đôi. Ví dụ :

- *Mình về có nhớ ta chăng*
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
- *Tiền đây mạn mới hỏi dào*
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mạn hỏi thì dào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

– Nhiều hình ảnh ước lệ quen thuộc của ca dao, dân ca được Tố Hữu sử dụng rất thích hợp với khung cảnh và tâm trạng trong bài *Việt Bắc*, như : "Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn", "Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu", "Nước trôi lòng suối chẳng trôi", "Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn",...

– Phong vị ấy còn thể hiện ở âm điệu thiết tha, quyến luyến như những lời ru trong ca dao, dân ca.

– Không chỉ dừng ở những yếu tố hình thức, phong vị ca dao, dân ca của bài *Việt Bắc* còn thấm sâu trong nội dung tư tưởng – cảm xúc. Đó là sự trân trọng, tha thiết với mọi nghĩa tình, ân tình, đề cao đạo lí thủy chung, son sắt, vốn là những quan niệm đạo lí và cách sống đã thành truyền thống của dân tộc và được thể hiện sâu đậm trong ca dao, dân ca.

– Nhờ thấm đượm phong vị ca dao, dân ca mà bài thơ đã tạo được sự hoà quyện, thống nhất giữa nội dung mang tính cách mạng với truyền thống tinh thần và thẩm mỹ của dân tộc, làm cho tư tưởng, tình cảm, hiện thực mới của thời đại nhập vào nguồn mạch dân tộc một cách tự nhiên.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nhiều tác giả, *Tố Hữu, thơ và cách mạng*, NXB Hội Nhà văn, H., 1996.

– *Tố Hữu – Về tác gia và tác phẩm*, Phong Lan – Mai Hương giới thiệu và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2007 (đọc các bài viết về tập *Việt Bắc* và bài thơ *Việt Bắc*).